

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ
bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Thời gian qua, một số bộ, cơ quan ngang bộ đã thực hiện rà soát và phát hiện một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định tại các Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 1996, năm 2008, năm 2015 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Về nguyên tắc, các văn bản này vẫn được xác định là “còn hiệu lực”. Do đó, để bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng quy định về hiệu lực của văn bản theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), việc ban hành văn bản để bãi bỏ các văn bản nêu trên là cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP, trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan, Bộ Tư pháp đã tổng hợp và thấy rằng có 23 văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành¹ cần được bãi bỏ toàn bộ và bãi bỏ một phần (*Chi tiết xin xem tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này*).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Xử lý hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật đã không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ xác định hết hiệu lực theo quy định của

¹ Thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ: Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tư pháp; Bộ Giao thông vận tải và Ngân hàng Nhà nước.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng

- Rà soát, xác định chính xác, đầy đủ những nội dung cần bãi bỏ;
- Tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) trong quá trình xây dựng Nghị định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

Theo Nghị quyết số 23/NQ-CP, dự thảo Nghị định được soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn. Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

- Ngày 08/02/2023, Bộ Tư pháp có Công văn số 357/BTP-KTrVB đề nghị các bộ, ngành, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất xử lý hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Ngày 15/5/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Quyết định số 725/QĐ-BTP về việc thành lập Tổ biên tập dự thảo Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành.

- Ngày 30/5/2023, Tổ biên tập đã tổ chức họp, bàn bạc, trao đổi, thống nhất những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định.

- Ngày 8/6/2023, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2316/BTP-KTrVB gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với nội dung dự thảo Nghị định.

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự tác động. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định (*xin gửi kèm Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định*).

- Ngày....., Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định sốBCTĐ-BTP ngày, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định để trình Chính phủ (*xin gửi kèm Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định*).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về tên gọi văn bản

Nội dung dự thảo Nghị định quy định việc bãi bỏ toàn bộ và bãi bỏ một phần đối với 23 văn bản thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Vì

văn bản bãi bỏ thuộc nhiều lĩnh vực, dự thảo xác định tên gọi Nghị định là “Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành”. Khoản 1 Điều 60 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “*Tên gọi của văn bản là một câu ngắn gọn hoặc một cụm từ, phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản*”. Đồng thời, Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) quy định: “*Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó*”. Do đó, quy định tên gọi văn bản tại dự thảo Nghị định hiện nay sẽ không gây nhầm lẫn, khó khăn trong việc tra cứu.

2. Về bố cục, nội dung dự thảo Nghị định

2.1. Bố cục

Dự thảo được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 38 mục III Phụ lục I “Mẫu văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật” ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định gồm 03 điều, cụ thể là:

- **Điều 1:** Quy định việc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành. Các văn bản bãi bỏ toàn bộ được sắp xếp theo phạm vi điều chỉnh (trong đó sắp xếp các văn bản điều chỉnh về cùng một vấn đề được sắp xếp gần nhau) và theo thứ tự thời gian ban hành (từ ban hành trước đến ban hành sau).

- **Điều 2:** Quy định việc bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành. Các văn bản bãi bỏ một phần được sắp xếp theo phạm vi điều chỉnh (trong đó sắp xếp các văn bản điều chỉnh về cùng một vấn đề được sắp xếp gần nhau) và thứ tự thời gian ban hành (từ ban hành trước đến ban hành sau).

- **Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành (Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định).

2.2. Nội dung cơ bản

Nội dung dự thảo Nghị định chỉ bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ một số văn bản do Chính phủ ban hành không còn được áp dụng trên thực tế; dự thảo Nghị định không quy định chính sách mới hay sửa đổi, bổ sung chính sách hiện có trong các nghị định, do vậy không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính trong triển khai, thi hành Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành.

Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và không quy định về thủ tục hành chính hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính theo

quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đề xuất và góp ý về dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo thẩm định; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định về dự thảo Nghị định; (5) Công văn đề xuất bãi bỏ của các bộ, ngành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTrVB (5b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Tịnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
do Chính phủ ban hành được đề xuất bãi bỏ toàn bộ

Tổng số: 18 văn bản

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
1.	Nghị định số 189-HĐBT ngày 04 tháng 6 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh lãnh sự	Nghị định này quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh lãnh sự là văn bản đã hết hiệu lực (bị bãi bỏ bởi Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009), do vậy các quy định của Nghị định này không còn được áp dụng.	Bộ Ngoại giao		Công văn số 3060/BNG-LPQT ngày 29/6/2023
2.	Nghị định số 161/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế	Nghị định này quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế năm 1998 là văn bản đã hết hiệu lực (bị thay thế bởi Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005), do vậy các quy định của Nghị định này không còn được áp dụng.	Bộ Ngoại giao		Công văn số 3060/BNG-LPQT ngày 29/6/2023
3.	Nghị định số 159/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về cung ứng và sử dụng séc	1. Về căn cứ pháp lý: Các văn bản là căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực: Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001; Luật Ngân hàng Nhà nước năm 1997; Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.	Ngân hàng Nhà nước		Công văn số 1946/NHNN-PC

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		2. Về nội dung: - Năm 2005, Quốc hội ban hành Luật các công cụ chuyển nhượng, theo đó có quy định về cung ứng và sử dụng séc. Năm 2006, Thống đốc NHNN ban hành Quyết định số 30/2006/QĐ-NHNN về quy chế cung ứng và sử dụng séc, thay thế Thông tư số 05/204/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 159/2003/NĐ-CP. Năm 2015, Thống đốc NHNN tiếp tục ban hành Thông tư số 22/2015/TT-NHNN thay thế Quyết định số 30/2006/QĐ-NHNN. - Các nội dung quy định chung về séc (giải thích từ ngữ, ký phát, thanh toán séc ghi sổ tiền bằng ngoại tệ, quyền và nghĩa vụ của người ký liên quan đến séc); quy định về cung ứng séc; ký phát; chuyển nhượng; bảo đảm thanh toán séc; xuất trình và thanh toán séc; truy đòi séc quy định tại Nghị định 159/2003/NĐ-CP được quy định đầy đủ tại Luật các công cụ chuyển nhượng và Thông tư			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		số 22/2015/TT-NHNN. 3. Về cơ sở thực tiễn: hiện nay, NHNN (Vụ Thanh toán) đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý việc cung ứng và sử dụng séc theo các quy định tại Luật công cụ chuyển nhượng và Thông tư số 22/2015/TT-NHNN.			
4.	Ng nghị định số 42/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan trong lực lượng Công an nhân dân	- Về căn cứ: + Luật Tổ chức chính phủ năm 2001 (đã hết hiệu lực); + Luật Công an nhân dân năm 2005 (đã hết hiệu lực). - Về nội dung: Nội dung của Nghị định số 42/2007/NĐ-CP không còn phù hợp với Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Luật Công an nhân dân năm 2018, các nội dung khác đã được quy định tại một số văn bản của Bộ Công an về cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan trong Công an nhân dân như: Thông tư số 34/2020/TT-BCA ngày 10/4/2020 của Bộ Công an quy định chế độ thăng cấp, nâng lương hàng năm đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an	Bộ Công an		Công văn số 1028/BCA-V03 ngày 4/4/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		nhân dân, Thông tư số 107/2021/TT-BCA ngày 11/11/2021 của Bộ Công an quy định về thăng cấp, nâng lương trước thời hạn hoặc vượt bậc đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân...			
5.	Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội	Do nội dung văn bản chỉ áp dụng cho năm 2009 và đến nay không còn áp dụng trong thực tiễn	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023
6.	Nghị định số 53/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính	Nội dung Nghị định số 53/2010/NĐ-CP gồm 2 điều: Điều 1 quy định về nguyên tắc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế TNĐN đối với các đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính; Điều 2 quy định điều khoản thi hành. Đến nay nội dung của Điều 1 Nghị định này đã được quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Chi chú
7.	Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bỏ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân	Nội dung Nghị định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2012. Do vậy, việc bãi bỏ Nghị định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 101/2011/NĐ-CP quy định rõ thời gian áp dụng của các chính sách là hết năm 2012. Cụ thể: Điều 2. Giảm thuế thu nhập năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động 1. Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp vừa và nhỏ,... 2. Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, lĩnh kiện điện tử, xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Điều 3. Giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế TNDN đối với kinh doanh nhà trọ,	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		trông giữ trẻ và cung ứng suất ăn ca 1. Giảm 50% mức thuế khoán giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến hết ngày 21 tháng 12 năm 2011 đối với: hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho công nhân, sinh viên, học sinh thuê; hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ và hộ, cá nhân cung ứng suất ăn ca cho công nhân. ... 2. Giảm 50% số thuế giá trị gia tăng và số thuế TNDN phải nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không, hoạt động kinh doanh khác) của doanh nghiệp Điều 4. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân 1. Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
8.	Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá	cổ tức được chia cho cá nhân từ hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp từ cổ tức được chia từ các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng. 2. Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân. 3. Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân. Nội dung Nghị định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2012. Do vậy, việc bãi bỏ Nghị định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Nghị định	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
nhân		số 60/2012/ND-CP quy định rõ thời gian áp dụng của các chính sách là hết năm 2012. Cụ thể: Điều 2. Giảm 30% số thuế TNDN năm 2012 đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 29/2012/QH13 như sau: ... Điều 3. Miễn thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và thuế TNDN năm 2012 đối với hộ, cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 29/2012/QH13 như sau: 1. Miễn thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) năm 2012 đối với hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho thuê đối với công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh; hộ, cá nhân chăm sóc trồng giữ trẻ; hộ, cá nhân cung ứng suất ăn ca cho công nhân. 2. Miễn thuế giá trị gia tăng và thuế TNDN phải nộp phát sinh năm 2012 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		doanh nghiệp vận tải, hàng không, hoạt động kinh doanh khác) của doanh nghiệp. Điều 4. Miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 29/2012/QH13 như sau: Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập tính thuế làm căn cứ xác định việc miễn thuế quy định tại Điều này là thu nhập tính thuế bình quân tháng của cá nhân thực nhận trong năm 2012.			
9.	Nghị định số 183/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Ngày 10/9/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1611/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam do Thủ	Bộ Giao thông vận tải		Công văn số 2572/BGTVT-PC ngày 16/3/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
10.	Nghị định số 184/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	tướng Chính phủ ban hành, theo đó Tổng công ty Hàng không Việt Nam đã chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam đã được Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty Hàng không Việt Nam thông qua vào ngày 12 tháng 3 năm 2015. Vì vậy, Nghị định số 183/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam không được áp dụng trên thực tế.	Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế		Công văn số

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Chí chú
11.	Nghị định số 10/2014/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam	Luật Doanh nghiệp. Điều lệ hoạt động của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP được thông qua tháng 8/2020. Vì vậy, Nghị định số 184/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam không được áp dụng tên thực tế. Ngày 29/12/2017, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2133/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành, theo đó Tổng công ty Lương thực miền Nam chuyển đổi và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty lương thực miền Nam – công ty cổ phần được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-HĐCD ngày 11/9/2018 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/VSF-DHSSCD ngày 29/2/2020. Vì vậy, Nghị định số 10/2014/NĐ-CP ngày 13 tháng 02	Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế		

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
12.	Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất	năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam không được áp dụng trên thực tế. Nội dung Nghị định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2020. Do vậy, việc bãi bỏ Nghị định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. Điều 3 của Nghị định số 41/2020/NĐ-CP quy định thời hạn nộp thuế chậm nhất là hết năm 2020, cụ thể: Điều 3. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất 1. Đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu) a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp,	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. ... Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng, quý được gia hạn như sau: Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 3 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2020. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 4 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2020. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2020. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 1 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2020.			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 2 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2020. 2. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế TNDN tạm nộp quý 1, quý 2 của kỳ tính thuế năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế TNDN thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế TNDN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế... 3. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh nộp năm 2020 của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		kinh tế, lĩnh vực nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2020. 4. Đối với tiền thuê đất Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 05 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2010.			
13.	Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước	Do nội dung Nghị định chỉ áp dụng cho năm 2020. Điều 3. Gia hạn thời hạn nộp thuế 1. Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		2020 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, cụ thể như sau: a) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 3 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2020. b) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 4 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2020. c) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2020. d) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020. đ) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 7 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020. e) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020. g) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 9 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020. h) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 10 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020. 			
14.	Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác	Nội dung Nghị định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2020. Do vậy, việc bãi bỏ Nghị định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP quy định: Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP quy định: Nghị	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
15.	Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19	định này có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 116/2020/QH14 có hiệu lực thi hành và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2020.	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023
		Nội dung Nghị định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2020 và 2021. Do vậy, việc bãi bỏ Nghị định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 44/2021/NĐ-CP quy định Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 và năm 2021. Cụ thể: Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam. Điều 2. Chi phí được trừ khi xác			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại khoản 2 Điều này. Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 44/2021/NĐ-CP quy định: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 và năm 2021.			
16.	Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuế đất trong năm 2021.	Do nội dung hướng dẫn chi áp dụng cho năm 2021 và không còn áp dụng trên thực tế	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
17.	Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19	Nội dung Nghị định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2021. Do vậy, việc bãi bỏ Nghị định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. Khoản 2 Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP quy định rõ thời gian áp dụng của các chính sách là hết năm 2021. Cụ thể: Điều 1. Giảm thuế TNDN 2. Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019. Điều 2. Miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh 2. Miễn thuế phải nộp a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này được miễn số thuế thu nhập cá nhân,	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
18.	Nghị định số 104/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước	thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021. Điều 3. Giảm thuế giá trị gia tăng 1. Giảm thuế giá trị gia tăng kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:.... Điều 4. Miễn tiền chậm nộp 1. Miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuế đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗi trong kỳ tính thuế năm 2020. Tại Điều 3 Nghị định này quy định: "<i>b) Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 11 năm 2021 chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2021</i>". Tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này quy định: "<i>2. Người nộp thuế tự xác</i>	Bộ Tài chính		Công văn số 4032/BTC-PC ngày 10/5/2023

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định này. Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thu đặc biệt cho cơ quan thuế sau ngày 15 tháng 12 năm 2021 thì không được gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thu đặc biệt theo quy định tại Nghị định này". Tại Khoản 2 Điều 5 quy định: "2. Sau thời gian gia hạn theo Nghị định này, việc nộp thuế tiêu thu đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước được thực hiện theo quy định hiện hành".			

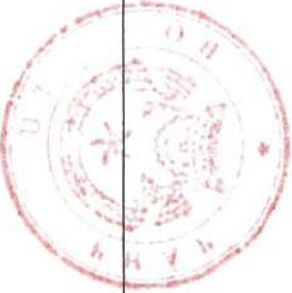


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
do Chính phủ ban hành được đề xuất bãi bỏ một phần

Tổng số: 05 văn bản

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
1.	Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định cải tiến thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi	Quy định về hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi thực tế đã đương nhiên hết hiệu lực do thời hạn đăng ký nuôi con nuôi thực tế đã kết thúc từ ngày 31/12/2015 theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Nuôi con nuôi. Vì vậy, nội dung này không được áp dụng trên thực tế.	Bộ Tư pháp	Bộ Công an	Bãi bỏ một phần
2.	Điều 10 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Do quy định về hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền tại Điều 10 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP đã được quy định tại Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020. Vì vậy, nội dung này không được áp dụng trên thực tế.	Bộ Quốc phòng		Bãi bỏ một phần
3.	Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là “ <i>Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước...</i> ”. Theo đó, một	Bộ Tư pháp		Bãi bỏ một phần

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
		trong những giải pháp để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới được Ban Chấp hành Trung ương xác định tại Nghị quyết 27-NQ/TW năm 2022 ngày 12/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương là “Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện”. Giải pháp này cũng đã được thể hiện tại Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới do Chính phủ ban hành. Vì vậy, đơn vị giúp Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật cần được quản lý tập trung, thống nhất ở một đầu mối. - Cu thể hóa chủ trương của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Bộ phù hợp với bối cảnh thực hiện Nghị định 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
4.	Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định: “Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 45 ngày và được xem xét cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo quy định của Luật này”. Do người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực được cấp tạm trú dài hơn (45 ngày) nhập cảnh theo diện miễn thị thực vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 và khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019 (15 ngày và 30 ngày) nên quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2020/NĐ-CP không còn phù hợp. Việc cấp tạm trú được áp dụng trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2023 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014).	Bộ Công an		Bãi bỏ một phần

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
5.	Điều 12 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Điều này sửa đổi điểm a, b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, quy định về hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi thực tế đã được bãi bỏ hết hiệu lực như lý do nêu trên. Vì vậy, nội dung này không được áp dụng trên thực tế.	Bộ Tư pháp	Bộ Công an	Bãi bỏ một phần

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Nghị định số 189-HĐBT ngày 04 tháng 6 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh lãnh sự.

2. Nghị định số 161/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế.

3. Nghị định số 159/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về cung ứng và sử dụng séc.

4. Nghị định số 42/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan trong lực lượng Công an nhân dân.

5. Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

6. Nghị định số 53/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính.

7. Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

8. Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

9. Nghị định số 183/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

10. Nghị định số 184/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

11. Nghị định số 10/2014/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

12. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.

13. Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

14. Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

15. Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu

nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.

16. Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.

17. Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

18. Nghị định số 104/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

Điều 2. Bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ một phần các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Bãi bỏ Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 03 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

2. Bãi bỏ Điều 10 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

5. Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ BÀI BỎ CÁC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ**

Triển khai Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 08/4/2018 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2018, trong đó Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) để chấm dứt hiệu lực các văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có văn bản xác định hết hiệu lực theo trình tự thủ tục rút gọn, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngày 8/6/2023, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2316/BTP-KT-VB gửi các cơ quan, đơn vị để lấy ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản QPPL do Chính phủ ban hành và đồng thời, dự thảo Nghị định cũng đã được đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến theo quy định.

Tính đến ngày 05/8/2023, Bộ Tư pháp đã nhận được thông tin, ý kiến góp ý của 72 cơ quan, đơn vị, địa phương. Sau đây là bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định:

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1. Về sự cần thiết ban hành văn bản			
	Tất cả các đơn vị đều nhất trí với sự cần thiết ban hành văn bản		
2. Về hình thức, thẩm quyền ban hành			
	Các ý kiến góp ý đều ý nhất trí về hình thức, thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ		
3. Về tên gọi của văn bản			
1.	Hà Giang, Hưng Yên, An Giang, Yên Bái,	Đề nghị chỉnh sửa tên gọi của dự thảo Nghị định thành “Bãi bỏ các <u>Nghị định</u> của Chính phủ” cho phù hợp với	Tiếp thu

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Quảng Trị, Lâm Đồng, Vụ Các vấn đề chung về XDPL	mẫu số 38 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	
4. Về văn bản quy phạm pháp luật được bãi bỏ			
4.1. Về văn bản QPPL được đề xuất bãi bỏ			
1.	An Giang, Bến Tre, Lạng Sơn, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi	Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014 đã được bãi bỏ bởi Nghị định 05/2020/NĐ-CP bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành	Tiếp thu
2.	Bình Định, Đồng Nai, Bộ Công an, Kon Tum, Bình Định	Đề nghị chỉnh sửa khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định “Bãi bỏ Điều 23, 24, 25 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nười”	
3.	Lạng Sơn, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi	Đề nghị bỏ Nghị định số 159/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về cung ứng và sử dụng séc ra khỏi danh mục vì Nghị định này đã được công bố hết hiệu lực tại Quyết định số 211/QĐ-NHNN ngày 31/1/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngân hàng nhà nước trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018. Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giám thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.	Không tiếp thu vì theo quy định tại Điều 12 Luật Ban hành văn bản QPPL thì “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền” (khoản 1). Việc công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực chỉ là quyết định hành chính nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật không làm hết hiệu lực của văn bản QPPL.

STT	Cơ quan/ Đơn vị gộp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19. Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. 03 Nghị định này thuộc trường hợp hết hiệu lực do hết thời hạn hết hiệu lực đã được quy định trong văn bản quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 và đã được công bố hết hiệu lực tại Quyết định số 79/QĐ-BTC ngày 30/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính năm 2022.	
4.	Cần Thơ	Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuế đất trong năm 2021 đã hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do “<i>Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản</i>”.	Không tiếp thu vì theo quy định tại Điều 12 Luật Ban hành văn bản QPPL thì “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền” (khoản 1).
5.	Quảng Ngãi, Hòa Bình	Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị	

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19. Nghị định số 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023 (cùng thời điểm). Trường hợp tham mưu cho Chính phủ bãi bỏ Nghị định số 92/2021/NĐ-CP thì đề nghị cơ quan soạn thảo xác định lại thời điểm hết hiệu lực của Nghị định số 92/2021/NĐ-CP kể từ ngày dự thảo Nghị định có hiệu lực hay kể từ ngày 1/1/2023.	
6.	Vụ Các vấn đề chung về XDPL	Đề nghị không bãi bỏ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội vì Nghị định này mới thi hành được 06 tháng.	Tiếp thu
4.2. Đề xuất bổ sung bãi bỏ văn bản QPPL			
	Bộ Ngoại giao	(i) Nghị định số 08/2003/NĐ-CP ngày 10/2/2003 quy định về hoạt động của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế; (ii) Nghị định số 161/1999/NĐ-CP ngày 18/10/1999 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế; (iii) Nghị định số 189-HĐBT ngày 4/6/1992 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Lãnh sự.	
1.			

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
2.	Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế	(i) Nghị định số 184/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; (ii) Nghị định số 10/2014/NĐ-CP ngày 13/2/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam.	
3.	Bình Định	Bổ sung bãi bỏ Điều 2 Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/06/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	
4.	Bộ Công an	Bổ sung bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2020/NĐ-CP quy định: “Đối với công dân các nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo diện miễn thị thực quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu đến địa điểm khác của Việt Nam thì thực hiện như sau: a) Trường hợp đã tạm trú chưa đến 15 ngày thì đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh đóng dấu hết giá trị	

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		vào chứng nhận tạm trú cũ và cấp chứng nhận tạm trú mới với thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh; b) Trường hợp đã tạm trú từ 15 ngày trở lên thì thực hiện thủ tục cấp thị thực theo quy định tại khoản 1 Điều này”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định: “Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 45 ngày và được xem xét cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo quy định của Luật này”. Do người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực được cấp tạm trú dài hơn (45 ngày) nhập cảnh theo diện miễn thị thực vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 và khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019 (15 ngày và 30 ngày) nên quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2020/NĐ-CP không còn phù hợp. Việc cấp tạm trú được áp dụng trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2023 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014).	

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
5. Về bố cục, thể thức, kỹ thuật trình bày			
1.	Lai Châu	Thông nhất tên gọi giữa Tờ trình và Dự thảo Nghị định	Tiếp thu
2.	Hà Giang, Hưng Yên, Yên Bái, Sóc Trăng, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Vụ Các vấn đề chung về XDPL	Đề nghị chỉnh sửa: Điều 1: Bãi bỏ toàn bộ các Nghị định Điều 2: Bãi bỏ một phần các Nghị định	
3.	Àn Giang, Gia Lai	<i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều</i> ” thành “ <i>Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều</i> ” ở căn cứ pháp lý thứ 2, thứ 4	Không tiếp thu
4.	Bến Tre	Viết đầy đủ ngày... tháng... năm ...ban hành văn bản tại Tờ trình và Dự thảo Nghị định	Tiếp thu
5.	Cần Thơ, Gia Lai	Bổ sung từ “ <i>về</i> ” ban hành trong tên Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân	Tiếp thu
6.	Gia Lai	Đề nghị chỉnh sửa tên thành Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước	Tiếp thu
7.	Gia Lai	Đề nghị chỉnh sửa tên thành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.	Tiếp thu
6. Về dự thảo Tờ trình			

STT	Cơ quan/ Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	An Giang	Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ ở đoạn cuối cùng trong dự thảo Tờ trình “Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định” thành “Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.” thực hiện mẫu số 03 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Tiếp thu
2.	Đồng Nai	Thông nhất trình bày cụm từ thời gian ban hành ngày... tháng... năm thay cho.../.../	
3.	Quảng Trị, Lâm Đồng	Đề nghị chỉnh sửa phần đầu Tờ trình theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Tiếp thu

Các cơ quan, đơn vị nhất trí với nội dung hoặc không có ý kiến bổ sung đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ

- Bộ, cơ quan ngang Bộ:** Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Giao thông vận tải, Thanh tra Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.
- Địa phương:** Hải Phòng, Đà Nẵng, Cà Mau, Tiền Giang, Bắc Kạn, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cao Bằng, Tây Ninh, Bắc Ninh, Khánh Hòa, Long An, Ninh Bình, Bắc Giang, Huế, Vĩnh Long, Nam Định, Quảng Nam, Quảng Bình, Tuyên Quang, Hà Nam, Thái Nguyên, Kiên Giang, Bình Thuận, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Thái Bình, Phú Thọ, Khánh Hòa.